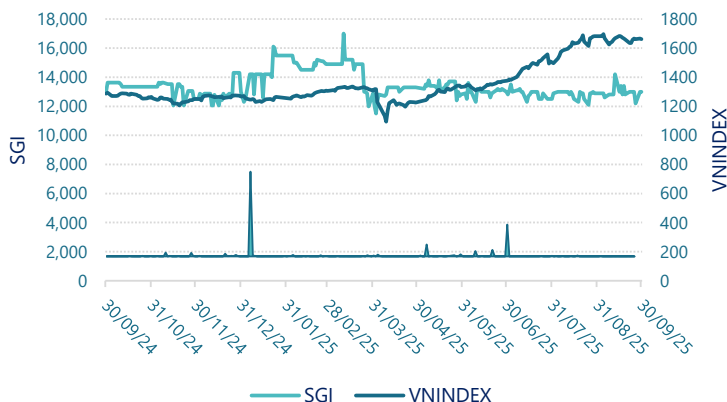




CTCP Đầu tư phát SGI Holdings (UPCOM: SGI)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,500
SL cổ phiếu LH	75,464,700
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,060
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	981
P/E	43.9
EPS	296

DT thuần

Q3/25

577

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.0 | 5.5%

YoY: ▲ 210 | 57.2%

LN sau thuế

Q3/25

37.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 53.5 | 341%

YoY: ▲ 14.0 | 58.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

15.5%

+/- YoY: ▲ 2.6%

DT thuần

9T 2025

1,614

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 646 | 66.8%

LN sau thuế

9T 2025

70.9

tỷ VNĐ

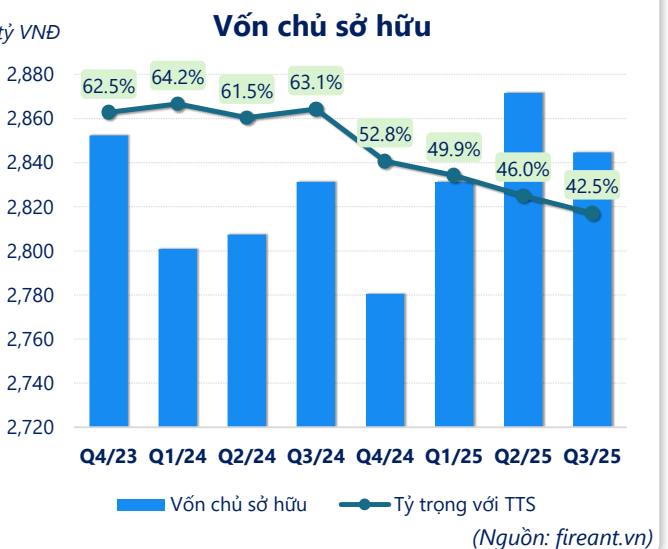
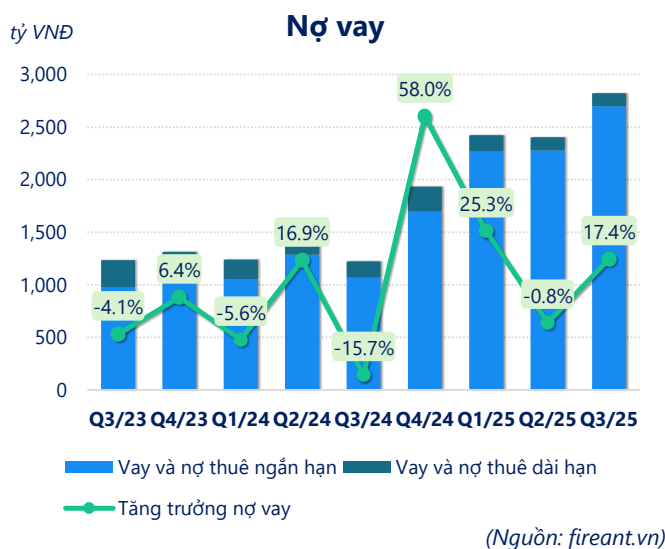
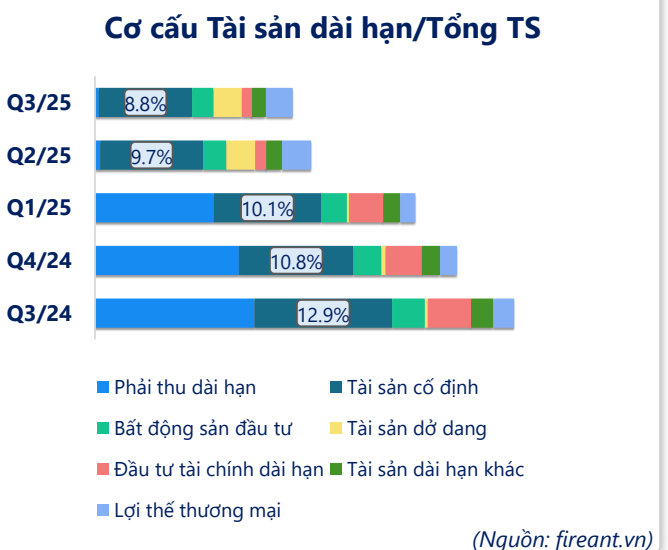
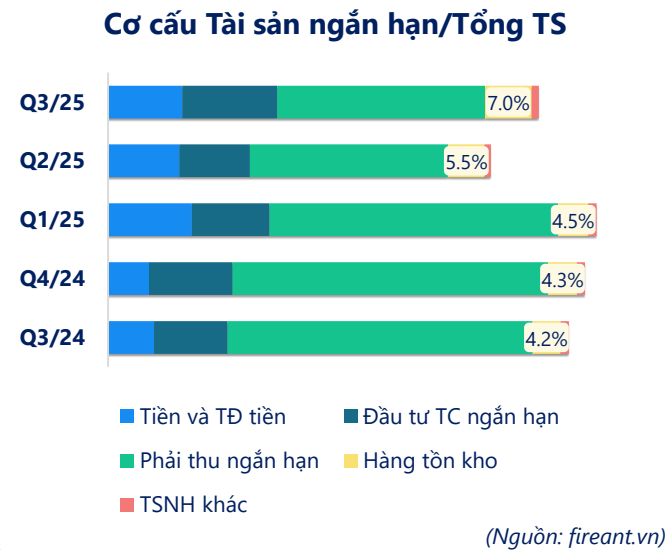
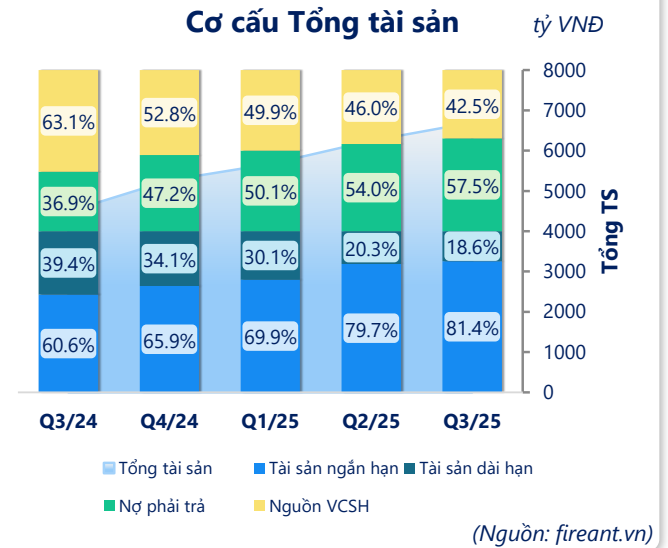
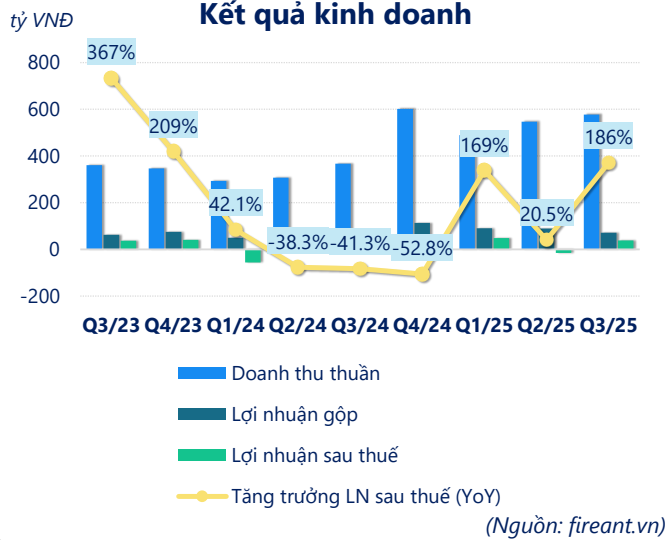
YoY: ▲ 96.8 | 374%

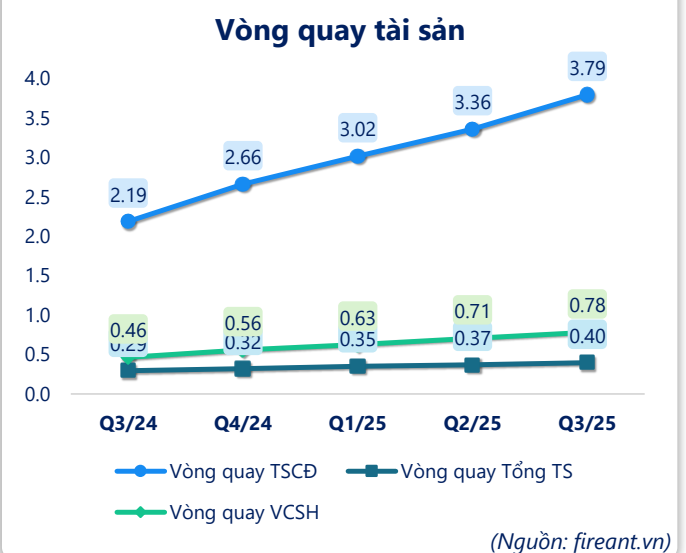
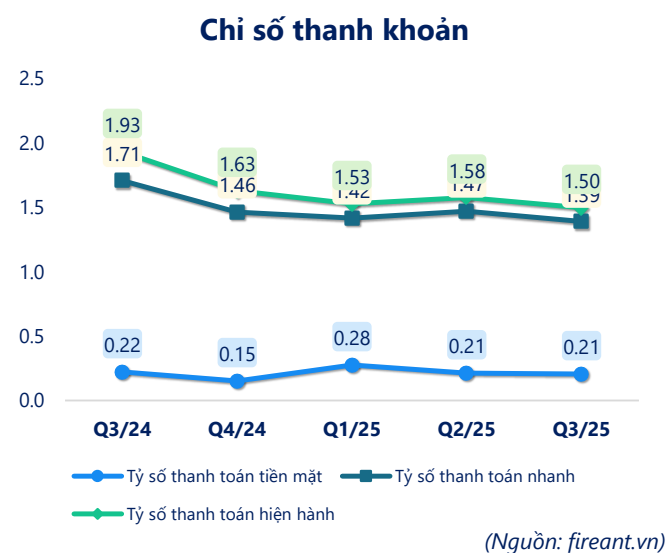
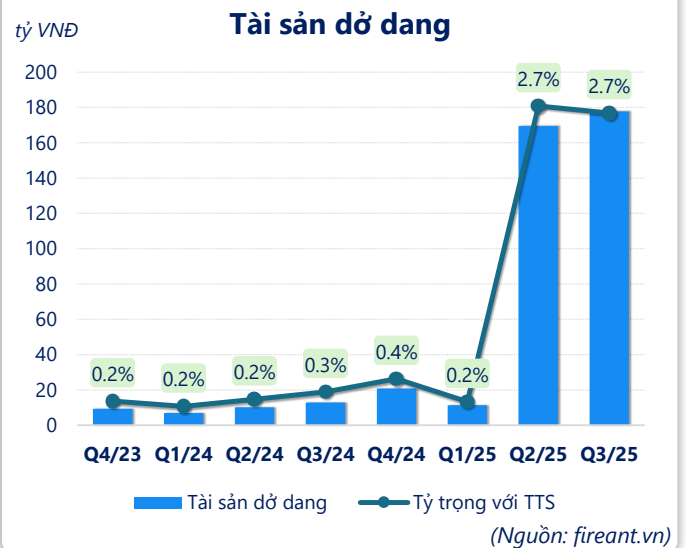
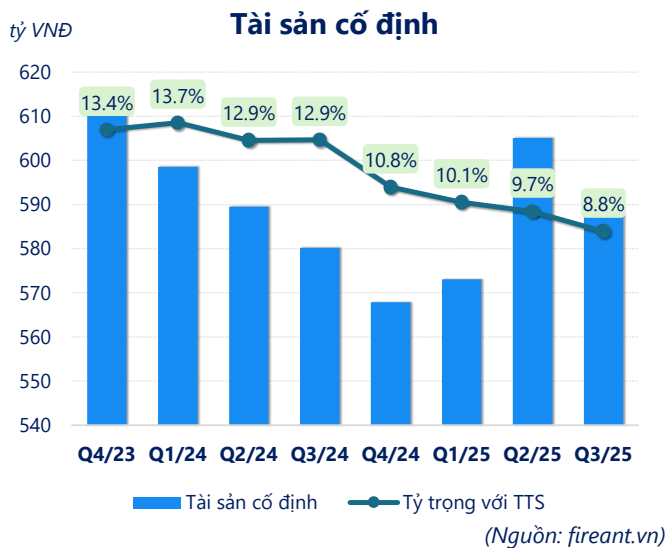
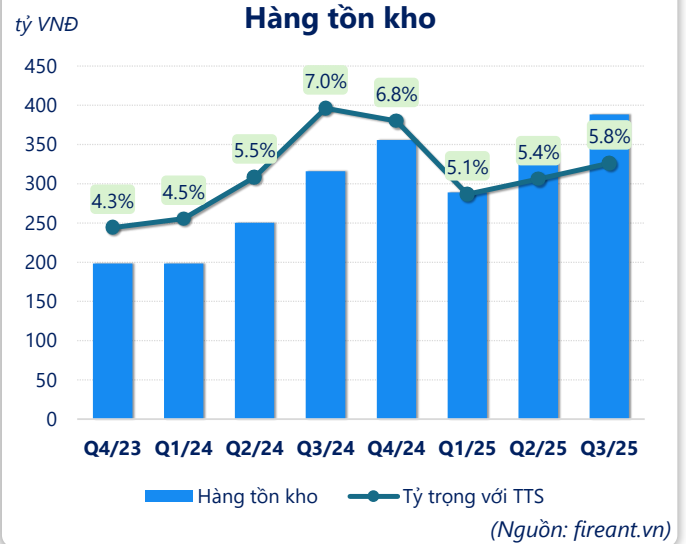
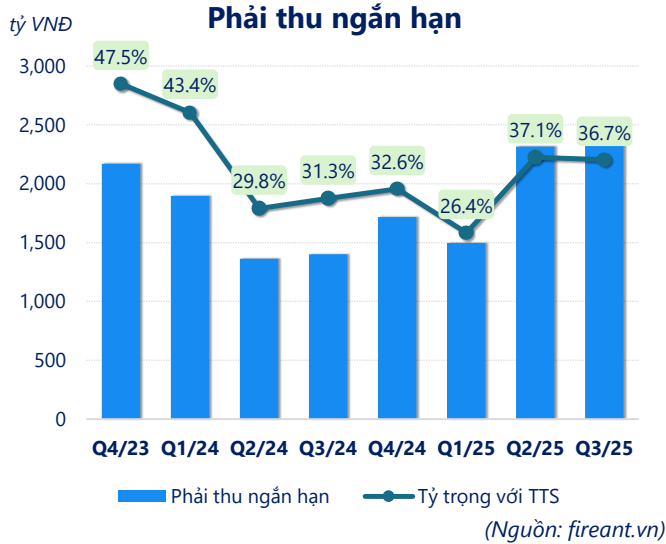
ROE

Q3/25

0.8%

+/- YoY: ▲ 0.1%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	4,483	5,264	5,668	6,245	6,698
Tài sản ngắn hạn	2,716	3,471	3,961	4,975	5,453
Tiền và tương đương tiền	311	323	715	670	749
Đầu tư tài chính ngắn hạn	639	1,030	1,407	1,573	1,781
Phải thu ngắn hạn	1,401	1,716	1,496	2,316	2,461
Hàng tồn kho	316	356	289	340	388
Tài sản ngắn hạn khác	48.8	47.2	54.7	75.1	74.1
Tài sản dài hạn	1,767	1,793	1,707	1,271	1,245
Phải thu dài hạn	672	712	632	30.4	23.9
Tài sản cố định	580	568	573	605	588
Bất động sản đầu tư	139	138	137	136	135
Tài sản dở dang	12.8	20.8	11.3	169	178
Đầu tư tài chính dài hạn	181	180	182	65.3	65.3
Tài sản dài hạn khác	94.8	89.4	90.7	91.8	88.0
Lợi thế thương mại	87.6	84.3	81.1	173	167
Nợ phải trả	1,652	2,484	2,837	3,374	3,854
Nợ ngắn hạn	1,407	2,131	2,595	3,156	3,644
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,068	1,695	2,273	2,277	2,697
Phải trả người bán ngắn hạn	157	166	133	325	383
Nợ dài hạn	245	352	242	218	209
Vay và nợ thuê dài hạn	155	238	149	126	124
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,831	2,781	2,831	2,872	2,845
Vốn chủ sở hữu	2,831	2,781	2,831	2,872	2,845
Vốn điều lệ	755	755	755	755	755
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)